

Số: 24/KH – UBND

Cường Lợi, ngày 20 tháng 02 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024

Căn cứ Quyết định số: 1494/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/ĐU ngày 24/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Cường Lợi Về lãnh đạo xây dựng nông thôn mới xã Cường Lợi, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 39-NQ/ĐU ngày 03/11/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ xã về lãnh đạo xây dựng xã Cường Lợi đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/7/2022 của UBND xã Cường Lợi Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Cường Lợi giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/11/2022 của UBND xã Cường Lợi Xây dựng xã Cường Lợi đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 – 2025;

Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích:

Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao làm cơ sở xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể nhân dân các cấp để thực hiện Chương trình bảo đảm mục tiêu và hiệu quả cao, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban quản lý, Ban phát triển thôn; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tham gia thực hiện chương trình nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; không ngừng nâng cao chất lượng đời sống và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển nông thôn bền vững; có kinh tế phát triển; hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng hiện đại, phù hợp; môi trường sinh thái trong lành; bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát huy; an ninh trật tự xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị vững mạnh, nhân dân hài lòng và đồng tình ủng hộ.

##### 2. Yêu cầu:

Các cấp, các ngành từ xã đến thôn tập trung thực hiện tốt việc quán triệt, tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò chủ thể của người dân, trên tinh thần tự nguyện, tự giác thực hiện tốt phong trào thi đua “Lạng Sơn chung sức xây dựng nông thôn mới”; phát huy tính chủ động, sáng tạo của cán bộ chuyên môn và các thôn, các tổ chức và cá nhân có

liên quan trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí còn thiếu, yếu theo Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn và phân đầu hoàn thành mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu vào cuối năm 2024.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung:**

Xác định chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, vừa tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt vừa hoàn thiện các chỉ tiêu còn thiếu, yếu. Xã Cường Lợi tập trung thực hiện hoàn thành xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 tại Quyết định số: 1494/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Lạng Sơn.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Duy trì và nâng cao các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đã đạt. Phân đầu hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí còn non, chưa đạt, đảm bảo năm 2024 đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Duy trì và nâng cao các Khu dân cư kiểu mẫu trên địa bàn; đẩy mạnh công tác vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý rác thải, nước thải.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tạo ra sản phẩm hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ. Duy trì và nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả như mô hình chăn nuôi gà, mô hình chăn nuôi bò...

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, giải quyết tốt các vấn đề văn hóa xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tập chung nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, đội ngũ cán bộ đảng viên, xây dựng hệ thống chính trị từ xã đến thôn ngày càng trong sạch vững mạnh.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Trên cơ sở **04** tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại Quyết định số: 1494/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Lạng Sơn. UBND xã xác định đưa ra các nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

### **1. Tiêu chí số 1: Hoàn thiện 19 tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025:**

#### **Tiêu chí số 01: Quy hoạch (Đạt)**

##### **a. Thực trạng:**

*1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.*

Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Cường Lợi, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 27/4/2023. UBND xã đã tổ chức công bố công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch theo quy định. **(Đạt)**

1.2. *Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch:* Quy định Quản lý xây dựng theo Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Cường Lợi, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2030 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 27/4/2023. **(Đạt)**

1.3. *Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.*

Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng khu Trung tâm xã Cường Lợi, huyện Đình lập, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1/500 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 31/7/2023. Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã đã được thông qua HĐND xã, xã đã trình UBND thẩm định, phê duyệt. **(Đạt)**

#### **b. Giải pháp:**

UBND xã có trách nhiệm quản lý hồ sơ, tài liệu và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan, sử dụng đất, xây dựng hệ thống công trình hạ tầng và không gian xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Thực hiện quản lý quy hoạch theo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt.

#### **Tiêu chí số 02: Giao thông**

##### **a. Thực trạng:**

2.1. *Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định*

- *Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm: 100% các tuyến đường xã được bảo trì hàng năm.*

+ Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã được giao quản lý cụ thể, được duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp theo quy định đạt 100%: Tuyến đường huyện đi qua địa bàn hàng năm được UBND huyện giao cho các doanh nghiệp quản lý duy tu. Tuyến đường xã ĐX.415 được UBND xã hợp đồng với cộng đồng nhân dân thôn Bản Xum quản lý, duy tu, bảo dưỡng hàng năm. **(Đạt)**

- *Tỷ lệ đường xã có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định > 70%. Hệ thống đường xã có lắp biển chỉ dẫn và biển báo an toàn giao thông đạt 100%. **(Đạt)***

- *Đường xã có hệ thống chiếu sáng trên tuyến (có ít nhất 02 tuyến):* Hiện nay, trên địa bàn xã có 4/5 tuyến đường giao thông đoạn đi qua khu dân cư tập trung có điện chiếu sáng. **(Đạt)**

- *Đường xã có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt) (có ít nhất 2 tuyến):*

+ Trên địa bàn xã có 4/5 tuyến đường đoạn qua khu dân cư tập trung được trồng hoa và hàng rào cây xanh tại các thôn Quang Hòa, Khe Bó, xóm Đồng Khoang, Bản Xum với chiều dài 2000m/4000m đoạn qua khu dân cư tập trung tại 5/5 thôn. **(Đạt)**

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp: có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh sạch - đẹp.

- Được cứng hóa và bảo trì hàng năm đạt 100%: Tổng số km đường trục thôn trên địa bàn đã được cứng hóa 1330/1330m đạt 100%, bề rộng mặt đường đảm bảo đạt từ 2-3m. Các tuyến đường trục thôn được giao cho các thôn tự bảo trì. **(Đạt)**

- Tỷ lệ đường thôn, bản và liên thôn, bản có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định (> 70%): UBND xã đã tiến hành lắp biển báo giao thông đầu các tuyến đường trục thôn 5/7 tuyến đạt 71,4%. **(Đạt)**

- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có hệ thống chiếu sáng trên tuyến (có ít nhất 3 tuyến): Trên địa bàn xã có 3/7 tuyến đường trục thôn có điện chiếu sáng tại thôn Quang Hòa và Khe Bó **(Đạt)**

- Đường thôn, bản và liên thôn, bản có trồng cây xanh hoặc trồng hoa (đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến, cây đang sinh trưởng, phát triển tốt) (có ít nhất 3 tuyến)

+ Trên địa bàn xã có 03/7 tuyến đường trục thôn được trồng hàng rào cây xanh tại thôn Quang Hòa và Khe Bó. **(Đạt)**

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp  $\geq 85\%$ .

- Tổng số chiều dài các tuyến đường làng, ngõ xóm đã cứng hóa đạt  $10.011/11.242\text{m} = 89,05\%$ . Các tuyến đường làng, ngõ xóm đều đảm bảo mặt đường sạch và không lầy lội vào mùa mưa, bề rộng mặt đường đạt từ 1,5-3m. **(Đạt)**

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa  $\geq 80\%$ .

- Đường trục chính nội đồng được quy hoạch giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND huyện phê duyệt là 1000m. Trong năm 2023 đã tiến hành cứng hóa được 392m, mặt đường rộng từ 2-3m. Các tuyến đường phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp của bà con nhân dân.

#### **b. Giải pháp:**

Tiếp tục huy động lòng ghép các Chương trình, dự án để nâng cao tỷ lệ cứng hóa mặt đường giao thông nông thôn, nhất là tuyến đường trục chính nội đồng. Tuyên truyền, vận động nhân dân trên cơ sở nhà nước hỗ trợ xi măng đầu tư cứng hóa các tuyến đường giao thông, đảm bảo đi lại thuận lợi, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn để hỗ trợ trồng hoa, cây xanh trên các tuyến đường giao thông tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp; chăm sóc cắt tỉa hàng rào cây xanh đã trồng. Trong năm 2024, trồng cây xanh trên tuyến đường huyện ĐH.48 Quang Hòa – Khe Bó và tuyến ĐH.43 Bình Chương – Khe Bó. UBND xã

phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan khảo sát các vị trí có thể trồng cây vừa đảm bảo an toàn giao thông vừa tạo cảnh quan trên tuyến.

### **Tiêu chí số 03: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

#### **a. Thực trạng:**

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  $\geq 90\%$ .

- Tổng số diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã là 369,35 ha, trong đó có 66,3 ha nằm trong phạm vi tưới tiêu thiết kế của công trình thủy lợi, thực tế hiện nay các công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ tưới tiêu chủ động cho 60,05 ha, đạt tỷ lệ 90,57%. **(Đạt)**

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Trong năm 2023, xã đã thành lập được 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động trong lĩnh vực quản lý và khai thác công trình thủy lợi (Tổ hợp tác dùng nước xã Cường Lợi). Tổ hợp tác dùng nước quản lý, điều tiết nguồn nước đảm bảo cung cấp nước tiết kiệm, kịp thời và hiệu quả. **(Đạt)**

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước 15%.

- Trên địa bàn xã chưa có mô hình tưới tiên tiến tiết kiệm nước **(Chưa Đạt)**

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

- Hàng năm UBND xã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức Ra quân đầu xuân làm thủy lợi, kế hoạch tổ chức hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường... chỉ đạo các thôn tổ chức nạo vét và tu sửa các tuyến mương thủy lợi nhỏ phục vụ cho tưới, tiêu... **(Đạt)**

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

- UBND xã phối hợp Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước tiến hành kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn. Qua kiểm kê không có nguồn xả thải trực tiếp vào công trình. **(Đạt)**

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- Hàng năm UBND xã luôn xây dựng Kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai trên địa bàn; kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã theo quy định. Xã đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt mức “Khá”, đảm bảo tất cả các chuyên mục yêu cầu “có” tại cột yêu cầu phải đáp ứng “có”, kết quả chấm điểm theo Biểu đánh giá đạt 72 điểm **(Đạt)**

#### **b. Giải pháp:**

Tiếp tục tuyên truyền nhân dân về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Lạng Sơn.

Huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ xây dựng ít nhất 01 mô hình tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi của Tổ hợp tác dùng nước xã Cường Lợi.

#### **Tiêu chí số 04: Điện (Đạt)**

##### **a. Thực trạng:**

*Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt từ 98% trở lên*

Xã Cường Lợi có 369/374 hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện đạt 98,66%. **(Đạt)**

##### **b. Giải pháp:**

Tiếp tục đề nghị cấp trên nâng cấp hệ thống điện khu vực nông thôn để đảm bảo phục vụ sản xuất và đời sống của người dân, khảo sát hỗ trợ nguồn điện cho 5 hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia.

#### **Tiêu chí số 05: Giáo dục (Đạt)**

##### **a. Thực trạng:**

*5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.*

- Trên địa bàn có 02 trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trong đó có 1 trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 (Trường Mầm non) **(Đạt)**

*5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.*

- Luôn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi **(Đạt)**

*5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3*

- Luôn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo quy định hiện hành. **(Đạt)**

*5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2*

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định hiện hành. **(Đạt)**

*5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá.*

- Trung tâm học tập cộng đồng của xã được đánh giá xếp loại tốt. **(Đạt)**

*5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền:* Trường TH&THCS có CLB thể dục thể thao trong trường học gồm 3 môn: Bóng chuyền, đá cầu, cờ vua, được học sinh yêu thích, phù hợp với điều

kiện thực tế, đặc điểm văn hóa của địa phương tạo thành phong trào được tổ chức thường xuyên. **(Đạt)**

**b. Giải pháp:**

Tiếp tục thực Chương trình kiên cố hóa trường lớp học, thực hiện rà soát cơ sở vật chất, phòng học bộ môn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học và quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, đạt chuẩn xóa mù chữ. Tiếp tục nhân rộng và phát huy mô hình giáo dục thể chất trong các trường học.

**Tiêu chí số 06: Văn hóa (Đạt)**

**a. Thực trạng:**

*6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.*

- Nhà văn hóa xã và Nhà văn hóa các thôn đã được đầu tư các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời đơn giản (bóng chuyền, bóng đá, cầu lông...); các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên nhân dịp các ngày lễ, ngày hội của đất nước, của địa phương. **(Đạt)**.

*6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.*

- Trên địa bàn xã có Đình Đông Quất là di tích lịch sử cấp tỉnh, được quản lý, tu bổ và phát huy giá trị đúng quy định. **(Đạt)**

*6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới. (90% thôn đạt văn hóa; 90% hộ đạt gia đình văn hóa) (Đạt)*

- Năm 2022: 5/5 thôn đạt Thôn văn hóa đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 94,45% (358/379 hộ)

- Năm 2023: 5/5 thôn đạt Thôn văn hóa đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 90,9% (340/374hộ).

**b. Giải pháp:**

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ hộ gia đình văn hóa, tuyên truyền nhân dân chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, hương ước thôn bản. Huy động các nguồn để tiếp tục tôn tạo Đình Đông Quất.

**Tiêu chí số 07: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Đạt)**

**a. Thực trạng:**

*Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.*

Xã Cường Lợi nằm gần chợ trung tâm huyện do vậy việc quy hoạch xây dựng chợ trên địa bàn xã là không cần thiết. Trên địa bàn xã có 01 cửa hàng kinh doanh tổng hợp tại thôn trung tâm xã và nhiều quán tạp hóa nhỏ tại địa bàn các

thôn cơ bản đảm bảo cung cấp các mặt hàng cần thiết phục vụ sinh hoạt của nhân dân. **(Đạt)**

**b. Giải pháp:**

Tiếp tục mở rộng, bổ sung thêm nhiều mặt hàng kinh doanh tại cửa hàng để ngày càng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

**Tiêu chí số 08: Thông tin và Truyền thông (Đạt)**

**a. Thực trạng:**

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa xã đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. **(Đạt)**

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (80%)

- Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh 896/1.085 lao động đạt 82,5%. **(Đạt)**

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- 5/5 thôn có hệ thống loa truyền thanh hoạt động thường xuyên, trong đó thực hiện tiếp sóng các khung giờ của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh, thực hiện phát chương trình, nội dung tin tức do xã tự sản xuất trên đài truyền thanh của xã; 100% thôn trong xã có hộ xem truyền hình vệ tinh, qua mạng internet; xã có điểm bưu điện văn hóa xã cung cấp xuất bản phẩm, có sách báo cho người dân đọc miễn phí. **(Đạt)**

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số an toàn thông tin đạt 100%. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 50%. **(Đạt)**

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...):

- Xã có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng bắt buộc phải có như UBND xã, trạm Y tế xã, nhà văn hóa xã. Ngoài ra các điểm trường chính cũng được lắp mạng wifi. Mạng wifi đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo quy định hiện hành. **(Đạt)**

**b. Giải pháp:**

Tiếp tục nâng cấp, bổ sung các cụm loa truyền thanh tại các thôn. Tiếp tục khuyến khích các thôn cài đặt mạng wifi tại Nhà văn hóa các thôn.

**Tiêu chí số 09: Nhà ở dân cư (Đạt)**

**a. Thực trạng:** Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  $\geq 90\%$ :

Hiện nay xã có 356/374 hộ gia đình đạt tiêu chí nhà ở đạt 95,19%. **(Đạt)**



**b. Giải pháp:**

Tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân đầu tư nâng cấp, xây dựng nhà ở và các công trình phụ trợ.

**Tiêu chí số 10: Thu nhập (Đạt)****a. Thực trạng:**

*Thu nhập bình quân đầu người năm 2023:  $\geq 51$  triệu đồng/người; năm 2024:  $\geq 55$  triệu đồng/người;*

*Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024: 60,5 triệu đồng (thu nhập bình quân đầu người phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm)*

Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 theo kết quả điều tra thu nhập là 55 triệu đồng. **(Đạt)**

**b. Giải pháp:**

Tiếp tục chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa bàn thôn; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng phát triển cây, con thể mạnh, chủ lực gắn với thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đảm bảo thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 60,5 triệu đồng trở lên.

**Tiêu chí số 11: Nghèo đa chiều (Đạt)****a. Thực trạng:**

*Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025  $< 8\%$ : Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, Tỷ lệ hộ nghèo là 10/389 hộ đạt 2,57% (đã trừ 02 hộ nghèo là hộ bảo trợ xã hội), tỷ lệ hộ cận nghèo là 21/389 hộ đạt 5,39%. Vậy tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023 là 7,96%. **(Đạt)***

**b. Giải pháp:**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, nâng cao hiệu quả các Chương trình an sinh xã hội trên địa bàn nông thôn; thực hiện đổi mới cách thức hỗ trợ người nghèo từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ việc làm, hỗ trợ vốn, phương thức phát triển sản xuất để người dân chủ động vươn lên thoát nghèo.

**Tiêu chí số 12: Lao động (Đạt)****a. Thực trạng:**

*12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 75\%$ .*

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn xã đạt 75,67% (821/1085 người). **(Đạt)**.

*12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 25\%$ .*

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 71,61% (777/1085 người). **(Đạt)**.

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.  $\leq 47\%$ .

**b. Giải pháp:**

Tiếp tục quan tâm công tác tư vấn học nghề và việc làm; phát triển chương trình đào tạo; xây dựng các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả cho lao động nông thôn.

**Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (Chưa đạt)**

**a. Thực trạng:**

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định ( $\geq 1$  hợp tác xã).

- Trên địa bàn xã có hợp tác xã Thiên Phú được thành lập năm 2016 với ngành nghề đăng ký hoạt động là khai thác gỗ, trồng cây, chế biến lâm sản. Hiện nay lĩnh vực hoạt động chủ yếu là chế biến gỗ. Với nguồn nguyên liệu gỗ thông lớn tại địa phương, Hợp tác xã đã ký hợp đồng thu mua nguyên liệu với nhân dân và với các xưởng xẻ nhỏ lẻ trên địa bàn. **(Đạt)**

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

- Trên địa bàn xã chưa có sản phẩm nào đạt chuẩn theo tiêu chuẩn OCOP. **(Chưa đạt)**

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.  $\geq 1$

- Trên địa bàn xã chưa có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm **(Chưa đạt)**

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã  $\geq 01$  sản phẩm.

- Các sản phẩm nông nghiệp của xã chưa được ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc **(Chưa đạt)**

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử  $\geq 10\%$ .

- Các sản phẩm nông nghiệp của xã chưa được bán qua kênh thương mại điện tử, một số sản phẩm nông sản được người dân bán thông qua mạng xã hội (Facebook) **(Chưa đạt)**

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

- Sản phẩm nông sản chủ lực của xã chưa thực hiện việc cấp mã vùng. **(Chưa đạt)**

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Trên địa bàn xã không có điểm du lịch **(Đạt)**

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

- Trên địa bàn xã chưa có mô hình hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) **(Chưa đạt)**

### **b. Giải pháp:**

Tiếp tục củng cố và nâng cao hoạt động của Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh để tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương; Tuyên truyền, nhân rộng các mô hình có hiệu quả, phối hợp với ngành chuyên môn huyện lựa chọn sản phẩm thực hiện đạt tiêu chuẩn OCOP được xếp hạng. Xây dựng vùng trồng lúa theo tiêu chuẩn Vietgap được cấp mã vùng trồng.

### **Tiêu chí số 14: Y tế (Chưa đạt)**

#### **a. Thực trạng:**

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$ .

- Tỷ lệ người tham gia BHYT trên địa bàn xã tính đến hết tháng 12/2023 là 90,28% (1.291/1.430 người) **(Chưa đạt)**

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt 95% **(Đạt)**

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ . **(Đạt)**

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt 41,3%

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.  $\geq 70\%$ .

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 72% **(Đạt)**

### **b. Giải pháp:**

Đẩy mạnh tuyên truyền nhân dân thực hiện mua BHYT tự nguyện hộ gia đình, đảm bảo đạt tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn xã đạt 95% trở lên.

### **Tiêu chí số 15: Hành chính công (Đạt)**

#### **a. Thực trạng:**

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến đạt 50%)

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến đạt 100%. **(Đạt)**

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 đạt 100%. **(Đạt)**

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- Rà soát, niêm yết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã theo quy định. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức. **(Đạt)**

**b. Giải pháp:** Tiếp tục tuyên truyền tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính và tiếp nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

### **Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật (Đạt)**

#### **a. Thực trạng:**

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận (có  $\geq 1$  mô hình)

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức pháp luật cho công dân. Xã có 2 tổ hòa giải điển hình (Khe Bó và Quang Hòa); có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở (Mô hình nông dân với pháp luật). Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. **(Đạt)**

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành.  $\geq 90\%$

- Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt 92,86% (13/14 vụ hòa giải thành). **(Đạt)**

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.  $\geq 80\%$ .

- 100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu (năm 2023 không có yêu cầu). **(Đạt)**

#### **b. Giải pháp:**

Phát huy hiệu quả hoạt động của mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở. Nâng cao công tác hòa giải của các tổ hòa giải tại các thôn.

### **Tiêu chí số 17: Môi trường (Chưa đạt)**

#### **a. Thực trạng:**

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Xã không có Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản **(Đạt)**

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%

Trên địa bàn xã có 16 cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trong đó có 14 cơ sở là các hộ gia đình bán hàng tạp hóa không thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường và 2 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường tuy nhiên còn 01 cơ sở chưa lập hồ sơ môi trường. Quá trình hoạt động của các cơ sở trên đảm bảo vệ sinh

môi trường, không gây ô nhiễm và không có phản ánh kiến nghị của người dân xung quanh. (**Chưa Đạt**)

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt  $\geq 80\%$ .

- Trên địa bàn xã có thôn Quang Hòa dọc tuyến QL.4B có đơn vị thu gom rác thải tiến hành thu gom 1 lần/tuần. Các thôn còn lại các hộ gia đình tự thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại nhà bằng hình thức: tận dụng dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, đốt hoặc chôn lấp. Không có tình trạng đổ, vứt rác ra đường, ao, sông suối và nơi công cộng. (**Đạt**)

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 25\%$ .

- Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, rửa, vệ sinh các nhân... chưa được thu gom, xử lý bằng các biện pháp phù hợp như: bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác (**Chưa Đạt**)

- Do là khu vực nông thôn miền núi, chưa có điều kiện xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định. Vì vậy các hộ gia đình trên địa bàn chủ yếu tự xây rãnh hoặc lắp ống để thu gom nước thải sinh hoạt chảy ra xa khu vực gia đình để tự ngấm, đảm bảo nước thải sinh hoạt không đổ bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ .

- Trên địa bàn xã có 38% hộ gia đình đã thực hiện phân loại các chất thải để xử lý cho phù hợp, chất thải sinh hoạt được lưu chứa vào các thiết bị chứa phù hợp như xô nhựa, thùng; đối với các chất thải có thể cháy khi trời nắng ráo tiến hành đốt tại hố rác của hộ gia đình, đối với các chất thải thực phẩm một số được tận dụng làm thức ăn cho vật nuôi, các chất thải còn lại được chôn lấp hoặc đổ tại một góc riêng xa khu vực gia đình. Tuy nhiên vẫn còn đa số hộ gia đình chưa thực hiện phân loại để xử lý cho phù hợp. (**Chưa đạt**)

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%.

Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn phát sinh từ hoạt động kinh doanh và sinh hoạt hộ gia đình như gang tay, giẻ lau dính dầu, sơn, mực, bóng đèn huỳnh quang, thủy tinh, pin, ắc quy... với khối lượng không nhiều nhưng hiện nay chưa có đơn vị thu gom xử lý theo quy định. Khi có phát sinh người dân thu gom và tập kết tại khu vực xa gia đình, ít người qua lại. (**Chưa Đạt**)

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$ .

- Trên địa bàn xã loại hình cây trồng có phát sinh phụ phẩm chủ yếu là lúa, ngô. Sau thu hoạch phụ phẩm như rơm rạ được một số người dân dùng ủ chua làm thức ăn chăn nuôi, một số ít đốt để lấy tro bón cho cây trồng khác, còn lại toàn bộ được cày vùi, phay trực tiếp.

Trên địa bàn có 15 hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong đó có 01 hộ gia đình chăn nuôi gia cầm quy mô trang trại, chất thải rắn phát sinh đều được chủ trang trại thu gom xử lý đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường. Còn lại là chăn nuôi gia súc quy mô hộ, số lượng ít, đa số các hộ đã thu gom chất thải để ủ làm phân bón, thu gom nước thải để bón, tưới cho cây trồng. Số hộ thực hiện thu gom chất thải đạt 12/15 hộ đạt 80% (**Đạt**)

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 75\%$

Trên địa bàn xã có 12/15 hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 80% (**Đạt**)

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Các thôn trên địa bàn xã đều có quy hoạch nghĩa trang (**Đạt**)

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 5\%$

- Số người chết từ đầu năm đến nay chưa trường hợp nào sử dụng hình thức hỏa táng (**Chưa đạt**)

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:  $\geq 4m^2$  /người

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư đạt  $5m^2$ /người (**Đạt**)

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt  $\geq 50\%$ .

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 51,41%. Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn từ hoạt động sinh hoạt của hộ gia đình, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Chất thải nhựa được các hộ gia đình, cá nhân thu gom tái chế, tái sử dụng và đốt tại các hố rác gia đình. Do trên địa bàn xã còn 4 thôn chưa có dịch vụ thu gom rác vì vậy người dân tự xử lý rác thải bằng phương pháp đốt thủ công tại hố rác gia đình. Chính quyền xã, thôn luôn tuyên truyền nhân dân thường xuyên thu gom và xử lý để tránh gây phát tán rác thải nhựa như túi nilong, vỏ kẹo bánh... ra môi trường (**Đạt**)

### **b. Giải pháp:**

Tiếp tục mở các buổi tuyên truyền hoặc lồng ghép tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường tại các thôn; thường xuyên bám sát địa bàn thôn, kiểm tra, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp; Triển khai, tuyên truyền, vận động nhân dân đăng ký tham gia thu gom rác thải sinh hoạt theo hình thức xã hội hóa; tuyên truyền các hộ gia đình chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

## **Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống**

### **a. Thực trạng:**

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (Xã không thuộc khu vực III đạt từ 35% trở lên)

- Trên địa bàn xã có 100% số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, chất lượng nước đảm bảo không màu, không mùi, không vị lạ, được người dân sử dụng lâu dài không có biểu hiện lạ. **(Đạt)**

18.2. *Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm (Xã không thuộc khu vực III đạt từ 60 lít trở lên)*

Các công trình cấp nước tập trung đảm bảo cấp nước cho người dân 24/24h, cấp nước bình quân đầu người/ngày đêm đạt trên 80 lít **(Đạt)**

18.3. *Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững (Xã không thuộc khu vực III đạt từ 25% trở lên)*

Trên địa bàn xã có 03 công trình cấp nước tập trung tại 5/5 thôn. Các công trình được giao cho Ban quản lý nước sinh hoạt xã, Tổ quản lý nước của các thôn quản lý, khai thác vận hành đảm bảo hoạt động bền vững theo quy định. **(Đạt)**.

18.4. *Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.*

Các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn hàng năm đều được phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm, tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.

18.5. *Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.*

- Trên địa bàn xã chưa có sự cố về an toàn thực phẩm **(Đạt)**.

18.6. *Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.*

Trên địa bàn xã không có các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc đối tượng quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018. **(Đạt)**

18.7. *Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt  $\geq 80\%$ .*

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 93,58% (350/374); nhà tắm 96,26 % (360/374); bể nước 97,59% (365/374); tỷ lệ hộ đảm bảo 3 sạch đạt 85,83% (321/374 hộ). **(Đạt)**

18.8. *Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.*

- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn chủ yếu được người dân tự thu gom và đốt tại hố rác hộ, nhóm hộ gia đình **(Đạt)**

### **b. Giải pháp:**

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; nâng cao nhận thức của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh (Đạt)**

#### **a. Thực trạng:**

19.1. *Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân. (Đạt)*

- Đảm bảo chất lượng hoạt động của BCH quân sự và lực lượng dân quân.
- Có tổ chức Chi bộ quân sự cấp xã, duy trì hoạt động có nền nếp, hiệu quả theo đúng quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

*19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. (Đạt)*

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng hoặc gây tai nạn nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và mô hình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Năm 2023 trên địa bàn xã không hành vi phạm tội nghiêm trọng.

### ***b. Giải pháp:***

Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân vững mạnh. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, chủ động giải quyết tốt những vấn đề phức tạp phát sinh từ cơ sở, không để phát sinh điểm nóng; an ninh chính trị được giữ vững, an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

## **2. Tiêu chí số 2 Thu nhập (Chưa đạt)**

### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm. Năm 2024 thu nhập bình quân đạt  $\geq 60,5$  triệu đồng

*b. Thực trạng:* Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2023 là 55 triệu đồng/người/năm.

*c. Giải pháp:* Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân; phát huy và khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của HDDND tỉnh Lạng Sơn.

## **3. Tiêu chí số 3: Mô hình thôn thông minh (Đạt)**

### *a. Yêu cầu của tiêu chí*

Có ít nhất một mô hình thôn thông minh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

### *b. Thực trạng:*



UBND xã thực hiện mô hình thôn thông minh tại thôn Khe Bó. Đánh giá hiện nay cơ bản đạt 5/5 chỉ tiêu của tiêu chí được quy định tại Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025

*c. Giải pháp:* Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Tiếp tục phát huy hiệu quả của mô hình camera an ninh. Đẩy mạnh bán hàng trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội.

#### **4. Tiêu chí số 4 – Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (Đạt)**

a. Yêu cầu: Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất (về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số...) mang giá trị đặc trưng của địa phương, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

##### *b. Thực trạng*

Qua đánh giá, xã đạt được lĩnh vực an ninh trật tự.

##### *c. Giải pháp*

Tiếp tục xây dựng, nâng cao các lĩnh vực về sản xuất, văn hóa, giáo dục, cảnh quan môi trường... mang giá trị đặc trưng của địa phương.

#### **IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn: 8.430 triệu đồng**

##### **2. Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện**

a) Vốn ngân sách trung ương: 250 triệu đồng, hoàn thiện nâng cao các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

b) Vốn ngân sách địa phương các cấp: 420 triệu đồng, nâng cao các tiêu chí NTM, NTM nâng cao

c) Vốn lồng ghép từ các Chương trình MTQG khác: 510 triệu đồng, hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất, Duy tu bảo dưỡng, Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo, thiết chế nhà văn hóa xã.

d) Vốn tín dụng: 3.000 triệu đồng

đ) Vốn tổ chức, doanh nghiệp: 250 triệu đồng, hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị nhà văn hóa xã, thôn.

e) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng (tham gia đối ứng phát triển sản xuất, làm đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà ở): 4.000 triệu đồng

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**1. Căn cứ Kế hoạch của UBND xã, các Ban ngành, đoàn thể của xã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024 gắn với chương trình, kế hoạch công tác năm thuộc lĩnh vực phụ trách.**

2. Các thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn trên cơ sở được giao nhiệm vụ phụ trách tại Quyết định số 95-QĐ/BCĐ và Quyết định số 96-QĐ/BCĐ ngày 30/01/2024 của Ban chỉ đạo NTM xã, tích cực chủ động thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chương trình trên địa bàn các thôn;

*Giao cho Ban quản lý các Chương trình MTQG xã:* Là bộ phận thường trực của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã, giúp Ban chỉ đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình trên địa bàn.

Chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung trong Bộ tiêu chí tại Quyết định số: 1494/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

### 3. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội:

Tổ chức tốt việc quán triệt tuyên truyền nhiệm vụ xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu đến cán bộ, hội viên, đoàn viên và nhân dân; Chỉ đạo ban công tác mặt trận, các chi hội, đoàn thể là người trực tiếp thực hiện và làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới ở thôn; ký kết, giao nhiệm vụ cho từng đoàn viên, hội viên làm tốt việc tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức, tích cực tham gia các phong trào, cùng giám sát việc thực hiện Chương trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Đồng thời, chủ trì và chịu trách nhiệm chính trong việc phối hợp thực hiện các nội dung nhiệm vụ cụ thể như sau:

- **Mặt Trận Tổ Quốc xã:** Chủ trì gắn các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới” để mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng. Tăng cường khối đại đoàn kết trong các tổ chức thành viên cùng chung tay thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn. Phối hợp tuyên truyền công tác giải phóng mặt bằng, hiến đất, hiến cây, đóng góp công sức, tiền của trong xây dựng nông thôn mới.

- **Hội Liên hiệp phụ nữ xã:** Chủ trì các phong trào, cuộc vận động do hội phát động. Chủ trì cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với xây dựng mô hình “Chi hội xanh - sạch - đẹp”. Trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh môi trường, phân loại, thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; tuyên truyền nhân dân sử dụng nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước hợp vệ sinh. Phối hợp tuyên truyền công tác giải phóng mặt bằng, hiến đất, hiến cây, đóng góp công sức, tiền của trong xây dựng nông thôn mới.

- **Hội Nông dân xã:** Chủ trì các phong trào, cuộc vận động do hội phát động. Phụ trách theo dõi các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, tuyên truyền nhân dân duy trì và nhân rộng các mô hình có hiệu quả. Trực tiếp phụ trách công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi; cải tạo các công trình phụ trợ, chuồng trại chăn nuôi đảm bảo hợp vệ sinh, thu gom xử lý nước thải sinh hoạt. Phối hợp tuyên truyền công tác giải phóng mặt bằng, hiến đất, hiến cây, đóng góp công sức, tiền của trong xây dựng nông thôn mới.

- **Hội Cựu Chiến Binh xã:** Chủ trì các phong trào, cuộc vận động do hội phát động. Trực tiếp tuyên truyền nhân dân cải tạo xây dựng nhà ở và các công trình phụ trợ đảm bảo vệ sinh. Phối hợp tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải, nước thải. Phối hợp tuyên truyền công tác giải phóng mặt bằng, hiến đất, hiến cây, đóng góp công sức, tiền của trong xây dựng nông thôn mới.

- **Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã:** Chủ trì các phong trào, cuộc vận động do đoàn phát động. Trực tiếp phụ trách nội dung trồng hoa, cây xanh, hàng rào xanh trên các tuyến đường giao thông nông thôn. Phối hợp tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải, nước thải.

#### **4. Các đơn vị trên địa bàn:**

Thực hiện tốt chương trình nội dung công tác năm của đơn vị mình; phát động và thực hiện hiệu quả nội dung xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn; quan tâm công tác vệ sinh môi trường, trồng hoa, cây xanh, cây bóng mát tại khuôn viên đơn vị; hưởng ứng tham gia các hoạt động về xây dựng nông thôn mới do các cấp, các ngành phát động.

#### **5. Ban phát triển các thôn:**

Thực hiện tốt các nhiệm vụ do Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã giao; Thường xuyên lồng ghép tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, các quyền lợi và nghĩa vụ của người dân trong quá trình xây dựng NTM. Triệu tập các cuộc họp, tập huấn đối với người dân theo đề nghị của các cơ quan cấp trên;

Tổ chức vận động nhân dân tập trung cải tạo đường làng ngõ xóm, vườn, chỉnh trang công ngõ, tường rào để có cảnh quan xanh sạch đẹp. Tổ chức hướng dẫn và quản lý vệ sinh môi trường trong thôn, cải tạo hệ thống tiêu, thoát nước, trồng cây xanh các tuyến đường, phân loại, thu gom, xử lý rác thải;

Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, xây dựng nếp sống văn hóa trong phạm vi thôn và tham gia các phong trào thi đua do cấp trên phát động. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hương ước, quy ước tại thôn;

Phối hợp với thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý phụ trách địa bàn kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện đảm bảo đạt các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn mình.

#### **6. Chế độ hội họp và công tác đánh giá, thẩm định hồ sơ**

- Chế độ hội họp: Để đảm bảo năm 2024 xã hoàn thành xã nông thôn mới kiểu mẫu, Ban chỉ đạo, Ban quản lý sẽ tổ chức họp định kỳ 1 lần/tháng, tổ chức sơ kết 3 tháng, 6 tháng và 9 tháng để đánh giá kết quả thực hiện chương trình hoặc có thể triệu tập họp đột xuất tùy vào yêu cầu công việc, các cuộc họp định kỳ có thể lồng ghép trong hội nghị giao ban của UBND xã.

- Công tác tổ chức đánh giá, thẩm định: thực hiện theo sự hướng dẫn của các ngành cấp trên. Tuy nhiên, UBND xã cũng chủ động đề nghị cấp trên thẩm định đối với các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt. Các ngành, đoàn thể được phân công phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí chủ động tham mưu giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí phụ trách; chủ động nghiên cứu các văn bản của ngành chuyên môn

cấp trên hướng dẫn, chuẩn bị các văn bản, tài liệu, hồ sơ minh chứng để đánh giá, thẩm định tiêu chí. Ban phát triển các thôn tích cực phối hợp với các ngành, đoàn thể hoàn thiện hồ sơ, tài liệu minh chứng các chỉ tiêu, tiêu chí.

Để thực hiện có hiệu quả kế hoạch này, UBND xã đề nghị các thành viên Ban quản lý, các ban, ngành, đoàn thể xã, các trường học, công an, trạm y tế và các thôn căn cứ vào nội dung Kế hoạch trên, chủ động lập kế hoạch triển khai thực hiện những nội dung có liên quan đến chức năng nhiệm vụ được giao, đảm bảo hoàn thành xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện, UBND xã, Ban chỉ đạo xã điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn xã./.

## **CHỦ TỊCH**

### ***Nơi nhận:***

- UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- TT ĐU, HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các thành viên BCD, BQL xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Công an, Trường học, trạm y tế xã;
- Ban phát triển các thôn;
- Lưu VP.

**Mai Thị Chiên**